

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18-11-2019
V/v “Tranh chấp về ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thúy

2. Ông Nguyễn Thái Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 636/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019 về “Tranh chấp về ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc N, sinh năm: 1985,

Địa chỉ: Ô1/67, khu phố TB, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm: 1985,

Địa chỉ: Ô1/67, khu phố TB, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

Chị N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22-8-2019, trong quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị Ngọc N trình bày:

Vợ chồng chị cưới nhau vào năm 2005, đăng ký kết hôn vào ngày 13-01-2006 tại Ủy ban nhân dân thị trấn GD, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con tên Bùi Thị Trà M, sinh ngày 03-7-2006, Bùi Thị Xuân N, sinh ngày: 08-10-2013 và Bùi Ngọc Thảo N, sinh ngày 15-5-2017, hiện 03 con đang sống với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung. không có nên không yêu cầu giải quyết.

Vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn từ năm 2017, nguyên nhân do: Vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã với nhau. Vợ chồng chị không còn hạnh phúc. Anh Bùi Văn T bỏ nhà ra đi từ tháng 10-2018 đến nay, anh T xuống TP.Hồ Chí Minh để đi làm, anh T nói bận nên không về Tòa án tham gia vụ án, anh Tuyên nói Tòa án giải quyết vắng mặt anh T. Thỉnh thoảng chị gọi điện thoại được cho anh T nhưng anh cũng không về. Do vợ chồng cãi vã với nhau nên anh T không cho chị biết địa chỉ ở đâu, cũng không khai báo với Chính quyền địa phương.

Đối với bị đơn anh Bùi Văn T, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ cư trú nhưng anh T vắng mặt không có lý do, Tòa án chưa thu thập được chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh ông Trần Anh Minh phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. **Riêng bị đơn vắng mặt không có lý do trong quá trình tham gia tố tụng là chưa thực hiện đầy đủ quy định với Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.** Chị N có yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử:

+Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Ngọc N đối với anh Bùi Văn T.

+Về con chung: Giao chị Nương được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 cháu tên Bùi Thị Trà M, sinh ngày 03-7-2006, Bùi Thị Xuân N, sinh ngày: 08-10-2013 và Bùi Ngọc Thảo N, sinh ngày 15-5-2017.

Ghi nhận chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

+ Về nợ chung: Chị N khai không có nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Ngọc N có yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh Bùi Văn T vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định với Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh T chung sống với nhau từ năm 2005, đăng ký kết hôn vào ngày 13-01-2006 tại Ủy ban nhân dân thị trấn GD, huyện GD, tỉnh Tây Ninh. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị N có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý giải quyết theo thủ tục chung là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng chị N và anh T sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không quan tâm lẫn nhau dẫn đến mâu thuẫn, không xây dựng gia đình hạnh phúc được, anh T bỏ nhà đi nơi khác sinh sống nhưng không thông báo với chị N về địa chỉ cư trú mới, cũng không về thăm và lo cho gia đình. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng chị N và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ ngày Tòa án thụ lý vụ án đến nay, do anh T không có mặt tại địa phương nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú để tổ chức phiên họp hòa giải nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu ly hôn của **chị N** là phù hợp.

[4] Về con chung: Xét thấy chị N hiện đang trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 03 con chung, anh T không có mặt tại địa phương nên để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của 03 cháu, cần giao cho chị N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 03 cháu tên Bùi Thị Trà M, sinh ngày 03-7-2006, Bùi Thị Xuân N, sinh ngày: 08-10-2013 và Bùi Ngọc Thảo N, sinh ngày 15-5-2017 là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị N khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

[7] Về án phí: Chị N là người khuyết tật nên thuộc trường hợp được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 227, **228** và **273** Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Ngọc N đối với anh Bùi Văn T. Chị N được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Giao chị N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 (ba) cháu tên: Bùi Thị Trà M, sinh ngày 03-7-2006, Bùi Thị Xuân N, sinh ngày: 08-10-2013 và Bùi Ngọc Thảo N, sinh ngày 15-5-2017.

Ghi nhận chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị N khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

5. Về án phí: Chị N là người khuyết tật nên thuộc trường hợp được miễn tiền án phí.

Chị N được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009617 ngày 26-8-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- UBND thị trấn GD;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Minh Hiếu

